

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/KDTM-PT

Ngày: 04/6/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Hoài Sơn

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Bé

Ông Trương Chí Trung

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Dự - Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***  
Ông Trịnh Anh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLPT-KDTM ngày 13/12/2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2020/QĐPT-KDTM ngày 10/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 03/2020/QĐ-PT ngày 02/3/2020; Thông báo hoãn phiên tòa số 68/TB-TA ngày 12/3/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 76/TB-TA ngày 20/4/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 27/2020/QĐPT-KDTM ngày 12/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư D**; Địa chỉ: Số 18 đường Y, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đoàn Ngọc V** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên, (có mặt).

2. Bị đơn: **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P**; Địa chỉ: Số 32 - 34 đường N, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Địa chỉ văn phòng giao dịch hiện nay: Số 759 đường N, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành

phố Đà Nẵng). Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Thu T** - Chức vụ: Giám đốc, (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn V**, sinh năm: 1947 và bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1948; Cùng địa chỉ: Số 36 đường N, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

+ Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Văn P**, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số 36 đường N, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, (theo giấy ủy quyền ngày 23/10/2019), (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P**.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:*

*\* Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 11/5/2018 cũng như lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình thể hiện:*

Ngày 01/10/2016, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên P (gọi tắt là Công ty P) và Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư D (gọi tắt là Công ty D) có ký Hợp đồng số 22.8.2016/HĐKT để thi công xây dựng phần thô công trình nhà hàng com niêu Ba Son tại địa điểm số 32 - 34 đường N, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 07/8/2017, Công ty D đã gửi hồ sơ thanh quyết toán cho Công ty P với tổng đề nghị thanh quyết toán là 2.560.453.000 đồng. Đồng thời, Công ty D nhiều lần đề nghị Công ty P làm việc giữa hai bên để thanh quyết toán nhưng Công ty P không thực hiện.

Ngày 06/10/2017, Công ty P gửi Công văn số 36/2017 cho Công ty D với giá trị đồng ý quyết toán là 1.421.162.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty D không thống nhất giá trị này và đã nhiều lần đề nghị Công ty P làm việc giữa hai bên nhưng Công ty P không thực hiện.

Từ ngày 27/02/2018 đến ngày 01/3/2018, Công ty P cử Ban quản lý dự án và tư vấn giám sát làm việc với phụ trách kỹ thuật của Công ty D để 02 bên chốt khối lượng thực tế thi công. Để nhanh chóng giải quyết dứt điểm vụ việc đã kéo dài quá lâu và thuận lợi trong việc thanh quyết toán, theo sự thống nhất giữa các bên trước đó, Công ty D đã gửi email hồ sơ quyết toán cho Công ty P để có ý kiến thống nhất khi Công ty D gửi bằng văn bản. Tuy nhiên, sau nhiều lần đôn đốc, Công ty P không có ý kiến. Ngày 06/3/2018, Công ty D đã gửi lại bằng văn bản hồ sơ quyết toán cho Công ty P.

Ngày 23/3/2018, sau nhiều lần Công ty D đề nghị Công ty P làm việc để bảo vệ quyết toán nhưng không thành, theo yêu cầu của Công ty P, Công ty D đã gửi lại bằng

email hồ sơ quyết toán và bổ sung thêm phần giải trình chi tiết nguyên nhân chênh lệch với giá trị đề nghị quyết toán là 2.487.334.000 đồng.

Ngày 12/4/2018, Công ty P có công văn số 05/2018/PG - D đồng ý giá trị quyết toán là 2.119.935.186 đồng. Ngày 23/4/2018, giám đốc Công ty P là bà Nguyễn Thị Thu T có văn bản viết tay đồng ý quyết toán với giá trị 2.169.000.000 đồng.

Tuy nhiên, cả 02 văn bản trên Công ty P đều không thể hiện chi tiết khối lượng và đơn giá; đồng thời, không thể hiện đã cắt giảm khối lượng hay đơn giá nằm ở mục nào trong hồ sơ quyết toán mà Công ty D đã gửi cho Công ty P, nguyên nhân vì sao cắt giảm, cơ sở để tính ra giá trị quyết toán trên.

Mặc dù Công ty D đã nhiều lần đề nghị Công ty P làm việc trực tiếp giữa hai bên để quyết toán theo nguyên tắc: Việc xác định khối lượng phải căn cứ theo bản vẽ hoàn công và thực tế thi công, xác định nguyên nhân chênh lệch, nguyên nhân cắt giảm khối lượng, trên tinh thần hợp tác, có lý có tình, để đi đến thống nhất giữa 2 bên, nhưng việc đề nghị này không thành và đi vào bế tắc.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P phải trả cho Công ty D theo giá trị đề nghị quyết toán là 2.487.334.000 đồng, trừ đi số tiền Công ty P đã tạm ứng cho Công ty D là 1.425.000.000 đồng. Số tiền còn lại bị đơn phải trả cho Công ty DDIF là 1.062.334.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, căn cứ vào Báo cáo kết quả giám định giá trị khối lượng công trình của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng thì nguyên đơn xin thay đổi về số tiền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 2.434.833.000 đồng, trừ đi số tiền Công ty P đã tạm ứng cho Công ty D là 1.425.000.000 đồng. Số tiền còn lại Công ty Phương Gia phải trả cho Công ty D là 1.009.833.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 06/10/2017 đến ngày 31/10/2019 là 24 tháng 25 ngày là  $(1.009.833.000 \text{ đồng} \times 15\% \times 24/12) + (1.009.833.000 \text{ đồng} \times 15\% \times 25/365) = 313.324.896 \text{ đồng}$ . Tổng cộng gốc và lãi là 1.323.157.896 đồng.

*\* Lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa của người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu T thể hiện:*

Công ty P và Công ty D có giao kết Hợp đồng kinh tế số 22.8/2016/HĐKT ngày 01/10/2016 về việc thi công phần thô công trình nhà hàng cơm niêu Ba Son, địa chỉ số 32 -34 đường N, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Giá trị hợp đồng tạm tính là 5,7 tỉ đồng, tiền phạt chậm tiến độ là 104.000.000 đồng. Công ty P đã chi tạm ứng theo hợp đồng là 1.425.000.000 đồng.

Công ty D đã thi công được phần móng, phần thô chưa tô trát đến hệ trụ của tầng 3. Trong quá trình thi công đã ảnh hưởng đến công trình nhà liền kề của ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H, nên bị ông V và bà H khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Công ty P và Công ty D đã tiến hành kiểm tra, nghiệm thu công trình do Công ty D chưa thi công, chưa thống nhất về giá trị thi công, cụ thể là:

Kỹ thuật hai bên mới nghiệm thu, sàn đang bị nứt; giá trị thi công chưa thống nhất toàn bộ nội dung khối lượng, chất lượng, giá trị thực tế để thanh lý hợp đồng. Do đó, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về cơ sở khởi kiện, số tiền mà nguyên đơn yêu cầu, vì nội dung chưa thống nhất.

Công ty D phải có trách nhiệm vật chất trong việc thi công công trình đối với ông V và bà H theo điểm h Điều 12 của Hợp đồng số 22.8.2016/HĐKT ngày 01/10/2016 giữa Công ty P và Công ty D.

Công ty P không đồng ý với Báo cáo kết quả giám định giá trị khối lượng công trình của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng Đà Nẵng. Đề nghị Tòa án đưa hộ ông Nguyễn V, bà Phạm Thị H vào giải quyết vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để khấu trừ khoản tiền bồi thường thiệt hại cho hộ ông Viên trong số tiền thi công của Công ty D.

Tại phiên tòa, bị đơn nộp cho Hội đồng xét xử Đơn yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với nội dung:

Yêu cầu Công ty D bồi thường cho Công ty P các khoản gồm: Đồng vốn ứ đọng với tổng mức đầu tư là 1.425.000.000 đồng x lãi suất ngân hàng hiện nay; Phần giá trị tài sản bị giảm sút do tác động yếu tố về mặt tâm linh; Trạng thái tinh thần của Giám đốc thường xuyên xảy ra hiện tượng bất ổn, bị tác động bởi yếu tố tâm linh. Các khoản thiệt hại này trị giá 20% giá trị bất động sản tính theo giá thị trường.

Về tổn thất tinh thần, yêu cầu Công ty D bồi thường 500.000.000 đồng;

Tổn thất đồng vốn cơ hội + lãi suất = 466.320.960 đồng.

Công ty P chỉ đồng ý giá trị quyết toán công trình hiện tại với mức 2.100.000.000 đồng.

Ngoài ra, bị đơn còn trình bày ý kiến yêu cầu bên nguyên đơn phải chịu phạt số tiền 104.000.000 đồng do chậm tiến độ thi công.

*\* Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H là ông Trần Văn P trình bày:*

Công trình nhà ở gắn liền trên đất tại số 36 đường N, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng là của ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ở đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong quá trình Công ty P đầu tư xây dựng công trình trên địa chỉ số 32-34 đường N dẫn đến lún, nứt, nghiêng nhà và ảnh hưởng đến các hạng mục khác trong nhà. Yêu cầu Công ty P khắc phục lại như hiện trạng ban đầu hoặc bồi thường số tiền 700 triệu đồng để chúng tôi tự khắc phục.

*\* Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:*

Căn cứ vào: - các Điều 30, 35, 39, 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 308 Luật thương mại; các Điều 113, 144 Luật xây dựng năm 2014; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” của nguyên đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư D đối với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư D số tiền 1.323.157.896 đồng; trong đó: Tiền quyết toán thi công công trình là 1.009.833.000 đồng, tiền lãi là 313.324.896 đồng (lãi tính đến ngày 31/10/2019).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định: Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư P phải chịu số tiền chi phí giám định là 59.860.000 đồng. Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư D số tiền chi phí giám định đã chi là 59.860.000 đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P phải chịu là 51.694.736 đồng.

+ Hoàn trả lại cho Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 21.935.000 đồng theo biên lai thu số 0003828 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

\* Sau khi xét xử sơ thẩm, trong hạn luật định bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư D về việc yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P thanh toán số tiền quyết toán công trình còn thiếu và tiền lãi phát sinh là 1.323.157.896 đồng.

*\* Tại phiên tòa, phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Ngày 01/10/2016, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P (gọi tắt là Công ty P) và Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư D (gọi tắt là Công ty D) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 22.8/2016/HĐKT, về việc Công ty D thi công công trình phần thô nhà hàng cơm niêu Ba Son (còn có tên nhà hàng cơm niêu Omely) tại địa chỉ số 32 - 34 đường N, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng do Công ty P là chủ đầu tư.

Trong quá trình thi công, Công ty D được Công ty P chi tạm ứng số tiền 1.425.000.000 đồng. Đến ngày 27/6/2017, hai bên đã thống nhất ngừng việc thi công công trình nói trên và trao đổi với nhau về việc quyết toán giá trị khối lượng thi công. Qua quá trình làm việc và trao đổi, ngày 06/10/2017 Công ty P có Công văn số 36/2017 cho Công ty D đồng ý quyết toán giá trị công trình là 1.421.162.000 đồng. Ngày 12/4/2018, Công ty P tiếp tục có Công văn số 05/2018/PG-DDIF cho Công ty DDIF đồng ý giá trị quyết toán là 2.119.935.186 đồng. Ngày 23/4/2018, giám đốc Công ty P là bà Nguyễn Thị Thu T có văn bản viết tay đồng ý quyết toán với giá trị là 2.169.000.000 đồng. Tuy nhiên cho đến nay Công ty P vẫn chưa thanh toán số tiền thi công còn lại cho Công ty D. Do đó, Công ty D khởi kiện yêu cầu Công ty P phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền đối với khối lượng đã thi công là có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty D xác định Công ty P phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền thi công theo Báo cáo kết quả giám định giá trị khối lượng công trình số 82/BC-TTGD ngày 16/9/2019 của Trung tâm giám định chất lượng Đà Nẵng đối với giá trị phần thô do Công ty D đã thi công là 2.434.833.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền Công ty P đã tạm ứng cho Công ty D là 1.425.000.000 đồng, số tiền còn lại Công ty P phải trả cho Công ty D là 1.009.833.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 113, 144 của Luật xây dựng, được Hội

đồng xét xử chấp nhận và buộc Công ty P phải trả cho Công ty D số tiền là 1.009.833.000 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền chậm thanh toán của Công ty D thì thấy: Do Công ty P chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 5.7 Phụ lục 05 của Hợp đồng kinh tế số 22.8/2016/HĐKT ngày 01/6/2016 nên yêu cầu tính lãi chậm thanh toán của Công ty D đối với Công ty P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại. Công ty DDIF yêu cầu Công ty Phương Gia phải trả tiền lãi là 313.324.896 đồng, tạm tính từ ngày 06/10/2017 đến ngày 31/10/2019 (24 tháng 25 ngày) theo mức lãi suất là 15%/năm. Xét thấy, Công ty D yêu cầu Công ty P phải trả mức lãi suất 15%/năm là thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 16.05%/năm (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng 16.65%, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng 15.75%, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng 15.75%), là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền Công ty P có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty D là 1.323.157.896 đồng; trong đó tiền quyết toán thi công công trình là 1.009.833.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán là 313.324.896 đồng và tiếp tục trả tiền lãi do chậm thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

[2] Đối với yêu cầu của Công ty P đề nghị tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả giải quyết vụ án giữa nguyên đơn là ông Nguyễn V, bà Phạm Thị H với bị đơn là Công ty P được Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng thụ lý số 57/2018/TLST-DS ngày 10/5/2018. Ngày 07/9/2018, Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định đình chỉ vụ án dân sự số: 150/QĐST-DS ngày 07/9/2018 đối với yêu cầu khởi kiện của ông V, bà H nên yêu cầu này của Công ty Phương G là không có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của Công ty P có yêu cầu Công ty DF phải bồi thường thiệt hại cho Công ty P gồm các khoản gồm:

Đồng vốn ứ đọng với tổng mức đầu tư là 1.425.000.000 đồng x lãi suất ngân hàng hiện nay; Phần giá trị tài sản bị giảm sút do tác động yếu tố về mặt tâm linh; Trạng thái tinh thần của Giám đốc thường xuyên xảy ra hiện tượng bất ổn, bị tác động bởi yếu tố tâm linh. Các khoản thiệt hại này trị giá 20% giá trị bất động sản tính theo giá thị trường. Về tổn thất tinh thần, yêu cầu Công ty D bồi thường 500.000.000 đồng; Tổn thất đồng vốn cơ hội + lãi suất = 466.320.960 đồng; tiền phạt vi phạm hợp đồng 104.000.000 đồng do chậm tiến độ thi công.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Các yêu cầu của người đại diện theo pháp luật Công ty P đưa ra sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thủ tục trên không thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 199, 200 của Bộ luật tố tụng

dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, nếu có yêu cầu thì khởi kiện vụ án dân sự khác là đúng quy định pháp luật.

[4] Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn V, bà Phạm Thị H:

Ngày 01/10/2019, Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng ra thông báo số 19/TB-TA về việc bổ sung người tham gia tố tụng đưa ông Nguyễn V, bà Phạm Thị H vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Cùng ngày 01/10/2019, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo bổ sung người tham gia tố tụng cho ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H. Đến ngày 10/10/2019, Tòa án thông báo về phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H không tham gia phiên họp và cũng không có văn bản phản hồi ý kiến. Ngày 16/10/2019, Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 29/10/2019, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn V và bà Phạm Thị H mới có văn bản trình bày ý kiến về công trình nhà ở gắn liền trên đất tại số 36 đường N, phường Chính Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong quá trình Công ty P đầu tư xây dựng công trình trên địa chỉ số 32-34 đường N dẫn đến lún, nứt, nghiêng nhà và ảnh hưởng đến các hạng mục khác trong nhà; yêu cầu Công ty P khắc phục lại như hiện trạng ban đầu hoặc bồi thường số tiền 700 triệu đồng để tự khắc phục. Như vậy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quy định tại các Điều 199, 201 của Bộ luật tố tụng dân sự và sau khi Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì mới có yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, nếu có yêu cầu thì khởi kiện vụ án dân sự khác là đúng quy định pháp luật.

[5] Từ nhận định trên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Công ty Phương G về việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy cần giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại:

[6.1] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty P phải chịu là 51.694.736 đồng.

+ Hoàn trả lại cho Công ty D số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 21.935.000 đồng tại biên lai thu số 0003828 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[6.2] Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo của Công ty P không được chấp nhận nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp

2.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0005237 ngày 20/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[7] Về chi phí giám định tài sản: 59.860.000 đồng, Công ty P phải chịu.

Công ty D đã nộp chi phí giám định là 59.860.000 đồng tại hóa đơn giá trị gia tăng số 0096193 ngày 02/10/2019 của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Đà Nẵng nên Công ty P phải hoàn trả lại cho Công ty D số tiền 59.860.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 308, các Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 113, 144 Luật xây dựng; Điều 306 Luật thương mại; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 12/2019/KDTM-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên D đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư D số tiền 1.323.157.896 đồng (một tỷ, ba trăm hai mươi ba triệu, một trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng); trong đó: Tiền quyết toán thi công công trình là 1.009.833.000 đồng, tiền lãi là 313.324.896 đồng (lãi tính đến ngày 31/10/2019).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí giám định: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P phải hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư D số tiền chi phí giám định là 59.860.000 đồng (năm mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 51.694.736 đồng (năm mươi một triệu, sáu trăm chín mươi bốn nghìn, bảy trăm ba mươi sáu đồng), Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P phải chịu.

+ Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.935.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) tại biên lai thu số 0003828 ngày 12/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tại Biên lai thu số 0005237 ngày 20/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hoài Sơn**